

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAN310 - PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lớp: 174201.DCTN25 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 7

Ngành: Quản Trị Kinh Doanh

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
							10%	15%				
						A	B1	B2				
1	17-2-52340101-00397	Trương Thanh	Hà	16/10/1993	Nam	10,0	10,0	10,0	10,0	5,0	7,0	
2	17-2-52340101-00224	Hạ Thu	Hằng	02/06/1993	Nữ	10,0	10,0	10,0	10,0	6,0	7,6	
3	17-2-52340101-00308	Phạm Ngọc	Minh	06/05/1993	Nam	8,0	10,0	10,0	10,0	7,0	8,0	
4	17-2-52340101-00400	Ngô Mạnh	Nam	26/07/1982	Nam	10,0	8,7	8,0	8,4	6,0	7,1	
5	17-2-52340101-00401	Nguyễn Văn	Quý	27/12/1991	Nam	6,0	9,3	7,8	8,6	7,0	7,4	
6	17-2-52340101-00403	Nguyễn Thị	Thêm	04/02/1985	Nữ	10,0	10,0	9,3	9,7	5,0	6,9	
7	17-2-52340101-00407	Phạm Văn	Tiến	10/04/1992	Nam	10,0	10,0	10,0	10,0	7,5	8,5	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 02 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAN310 - PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lớp: 174201.DCTN27 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 4

Ngành: Quản Trị Kinh Doanh

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1, Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
							10%	15%				
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52340101-00523	Nguyễn Thị Bích	Hường	06/09/1978	Nữ	6,0	9,3	7,0	8,2	8,5	8,2	
2	17-2-52340101-00524	Nguyễn Lệ	Linh	12/10/1992	Nữ	6,0	10,0	0,0	5,0	6,0	5,7	
3	17-2-52340101-00464	Nguyễn Mạnh	Long	27/09/1988	Nam	6,0	0,0	9,0	4,5	8,0	6,8	
4	17-2-52340101-00525	Nguyễn Thị	San	25/12/1992	Nữ	10,0	10,0	8,7	9,4	6,0	7,4	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 02 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAN413 - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Lớp: 174701.RCTN23 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 22

Ngành: Luật kinh tế

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ	Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTN1				
							30%				
							A	B1	B	T	D
1	17-2-52380107-00091	Nguyễn Ngọc	Anh	07/03/1979	Nam	10,0	8,0	8,0	9,3	9,0	
2	17-2-52380107-00090	Đặng Thị	Anh	14/07/1989	Nữ	6,0	8,0	8,0	4,5	5,7	
3	17-2-52380107-00328	Vũ Thị Kim	Cúc	10/07/1982	Nữ	10,0	8,5	8,5	9,5	9,3	
4	17-2-52380107-00093	Hoàng Anh	Dũng	08/06/1982	Nam	5,0	8,0	8,0	4,0	5,3	
5	17-2-52380107-00418	Đồng Thùy	Dương	03/06/1983	Nữ	2,0	8,3	8,3	5,8	6,2	
6	17-2-52380107-00235	Lê Thanh	Hải	19/09/1991	Nam	10,0	4,2	4,2	2,8	3,9	
7	17-2-52380107-00095	Đặng Mai	Hoa	26/01/1983	Nữ	10,0	8,0	8,0	5,5	6,7	
8	17-2-52380107-00237	Nguyễn Lê	Huyền	22/02/1976	Nam	10,0	8,5	8,5	6,5	7,5	
9	17-2-52380107-00238	Nguyễn Thị Thu	Huyền	15/12/1977	Nữ	10,0	9,1	9,1	5,3	6,9	
10	17-2-52380107-00239	Nguyễn Trọng	Khuê	20/01/1987	Nam	6,0	4,2	4,2	3,0	3,7	
11	17-2-52380107-00240	Vũ Thị Phương	Linh	04/12/1982	Nữ	10,0	8,3	8,3	4,0	5,9	
12	17-2-52380107-00096	Đoàn Thị Quỳnh	Mai	28/08/1989	Nữ	10,0	8,0	8,0	5,0	6,4	
13	17-2-52380107-00097	Đặng Hồng	Mai	16/03/1985	Nữ	10,0	8,0	8,0	6,0	7,0	
14	17-2-52380107-00099	Nguyễn Thị	Thảo	30/04/1983	Nữ	10,0	8,0	8,0	6,0	7,0	
15	17-2-52380107-00336	Nông Phương	Thảo	30/07/1989	Nữ	4,0	8,5	8,5	5,0	6,0	
16	17-2-52380107-00100	Quách Thị	Thoa	24/02/1984	Nữ	10,0	8,0	8,0	7,5	7,9	
17	17-2-52380107-00101	Phạm Quang	Tiến	26/07/1970	Nam	10,0	8,0	8,0	3,3	5,4	
18	17-2-52380107-00102	Bùi Trung	Toàn	01/01/1978	Nam	10,0	8,0	8,0	5,0	6,4	
19	17-2-52380107-00245	Bùi Thị	Trang	26/05/1990	Nữ	10,0	8,3	8,3	3,0	5,3	
20	17-2-52380107-00105	Bùi Việt	Vương	20/05/1982	Nam	10,0	8,0	8,0	6,5	7,3	
21	17-2-52380107-00092	Nguyễn Tiến	Định	18/06/1987	Nam	10,0	8,0	8,0	9,5	9,1	
22	17-2-52380107-00332	Phạm Xuân	Định	26/04/1982	Nam	10,0	8,5	8,5	6,5	7,5	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 02 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAN413 - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Lớp: 174701.RKTN23 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 38

Ngành: Luật kinh tế

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ	Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú			
						10%	BTN1							
							30%					30%	60%	100%
							A					B1	B	T
1	17-2-52380107-00106	Trần Thị Lan	Anh	11/01/1988	Nữ	9,0	7,8	7,8	5,0	6,2				
2	17-2-52380107-00025	Nguyễn Hoàng	Anh	03/07/1988	Nam	10,0	7,8	7,8	4,0	5,7				
3	17-2-52380107-00248	Nguyễn Hữu	Chính	25/11/1991	Nam	10,0	8,0	8,0	8,8	8,7				
4	17-2-52380107-00250	Nguyễn Khắc	Công	15/10/1987	Nam	10,0	8,0	8,0	7,5	7,9				
5	17-2-52380107-00251	Vũ Đức	Cung	10/10/1974	Nam	10,0	8,0	8,0	9,5	9,1				
6	17-2-52380107-00252	Nguyễn Thị Hồng	Diệp	17/08/1975	Nữ	10,0	5,0	5,0	9,3	8,1				
7	17-2-52380107-00342	Nguyễn Trung	Dũng	26/12/1984	Nam	2,0	2,0	2,0	0,0	0,8				
8	17-2-52380107-00177	Phạm Tuấn	Dũng	27/07/1985	Nam	10,0	6,5	6,5	8,0	7,8				
9	17-2-52380107-00345	Nguyễn Thị Thu	Hà	19/03/1961	Nữ	6,0	6,5	6,5	6,5	6,5				
10	17-2-52380107-00111	Bùi Huyền	Hạnh	12/11/1980	Nữ	10,0	7,8	7,8	9,3	8,9				
11	17-2-52380107-00112	Vũ Thị	Hoa	01/02/1988	Nữ	9,0	8,0	8,0	9,8	9,2				
12	17-2-52380107-00255	Cao Quang	Hòa	10/08/1992	Nam	10,0	5,0	5,0	6,5	6,4				
13	17-2-52380107-00346	Phạm Thanh	Hoàng	25/06/1991	Nam	10,0	6,5	6,5	9,0	8,4				
14	17-2-52380107-00347	Lê Mạnh	Hùng	19/01/1980	Nam	10,0	8,0	8,0	7,8	8,1				
15	17-2-52380107-00113	Nguyễn Trung	Hướng	02/04/1986	Nam	10,0	8,0	8,0	9,8	9,3				
16	17-2-52380107-00256	Nguyễn Thị Mộng	Hương	27/01/1991	Nữ	10,0	5,0	5,0	7,0	6,7				
17	17-2-52380107-00257	Trịnh Thị Bích	Huyền	05/02/1977	Nữ	10,0	6,5	6,5	5,5	6,3				
18	17-2-52380107-00258	Nguyễn Thanh	Huyền	07/05/1987	Nữ	5,0	8,0	8,0	0,0	2,9	Vắng			
19	17-2-52380107-00260	Bùi Tuấn	Khanh	05/04/1978	Nam	10,0	8,0	8,0	0,0	3,4	HT			
20	17-2-52380107-00261	Trần Xuân	Lâm	06/06/1984	Nam	10,0	8,0	8,0	9,3	9,0				
21	17-2-52380107-00350	Bùi Quang	Lịch	20/03/1983	Nam	10,0	8,0	8,0	5,3	6,6				
22	17-2-52380107-00262	Đỗ Phương	Liên	17/06/1987	Nữ	10,0	8,0	8,0	6,8	7,5				
23	17-2-52380107-00179	Cao Xuân	Linh	12/09/1987	Nam	10,0	6,5	6,5	9,3	8,5				
24	17-2-52380107-00264	Đặng Thu	Ngọc	25/11/1994	Nữ	9,0	7,8	7,8	0,0	3,2	Vắng			
25	17-2-52380107-00263	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	19/07/1989	Nữ	8,0	8,0	8,0	0,0	3,2	Vắng			
26	17-2-52380107-00180	Trần Hữu	Phong	19/02/1984	Nam	10,0	6,5	6,5	6,5	6,9				
27	17-2-52380107-00355	Lò Lâm	Sung	12/12/1974	Nam	10,0	8,0	8,0	8,3	8,4				
28	17-2-52380107-00266	Nguyễn Thị Bích	Tâm	17/10/1991	Nữ	10,0	7,2	7,2	0,0	3,2	HT			
29	17-2-52380107-00356	Đặng Đình	Thân	19/06/1983	Nam	10,0	8,0	8,0	5,3	6,6				

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ	Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTN1				
							30%	30%	60%	100%	
						A	B1	B	T	D	
30	17-2-52380107-00268	Đỗ Mai	Thu	08/08/1983	Nữ	10,0	6,5	6,5	4,8	5,8	
31	17-2-52380107-00118	Nguyễn Thị Bích Thanh	Thùy	16/04/1979	Nữ	10,0	8,0	8,0	3,5	5,5	
32	17-2-52380107-00122	Vũ Đức	Trọng	22/03/1978	Nam	10,0	7,8	7,8	0,0	3,3	HT
33	17-2-52380107-00119	Trần Xuân	Tuân	08/06/1989	Nam	9,0	8,0	8,0	3,8	5,6	
34	17-2-52380107-00271	Ngô Anh	Tuấn	10/04/1975	Nam	10,0	6,5	6,5	6,5	6,9	
35	17-2-52380107-00359	Phan Trung	Tuấn	05/10/1982	Nam	10,0	8,0	8,0	5,5	6,7	
36	17-2-52380107-00361	Ngô Văn	Tùng	14/04/1981	Nam	2,0	8,0	8,0	7,5	7,1	
37	17-2-52380107-00253	Nguyễn Anh	Đức	06/05/1977	Nam	10,0	6,5	6,5	2,8	4,6	
38	17-2-52380107-00341	Phạm Văn	Đức	23/12/1984	Nam	2,0	8,0	8,0	0,0	2,6	Vắng

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 02 năm 2019

Cán bộ vào điểm

Trung tâm Đào tạo từ xa



Nguyễn Thị Đan Phượng



TS. Trương Hữu Dũng



BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAT101 - TOÁN CAO CẤP 1

Lớp: 181101.QTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 23

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
							10%	15%				
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52480201-00052	Trần Đức	Anh	09/11/1985	Nam	10,0	9,0	8,5	8,8	2,0	4,8	
2	18-2-52480201-00024	Phạm Đức	Dũng	05/06/1989	Nam	2,0	5,0	9,0	7,0	0,0	2,3	Vắng
3	18-2-52480201-00025	Mẫn Xuân	Hà	31/10/1993	Nam	10,0	7,5	9,5	8,5	4,3	6,1	
4	18-2-52480201-00026	Nguyễn Văn	Hào	19/11/1998	Nam	10,0	8,0	8,5	8,3	9,3	9,1	
5	18-2-52480201-00054	Nguyễn Thái	Hiền	17/02/1994	Nam	10,0	8,3	8,0	8,2	7,0	7,7	
6	18-2-52480201-00027	Mã Văn	Hiệp	27/04/1990	Nam	8,0	7,8	9,2	8,5	6,0	7,0	
7	18-2-52480201-00055	Nguyễn Việt	Hòa	18/02/1992	Nam	10,0	8,0	8,0	8,0	5,5	6,7	
8	18-2-52480201-00029	Nguyễn Quang	Huy	18/03/1994	Nam	10,0	8,8	8,8	8,8	8,5	8,7	
9	18-2-52480201-00030	Hoàng Thảo	Loan	24/04/1994	Nữ	10,0	8,3	9,0	8,7	8,8	8,9	
10	18-2-52480201-00031	Nguyễn Văn	Long	30/12/1993	Nam	9,0	5,5	7,5	6,5	5,5	6,2	
11	18-2-52480201-00057	Nguyễn Thanh	Long	21/12/1983	Nam	10,0	8,5	9,5	9,0	7,0	7,9	
12	18-2-52480201-00016	Nguyễn Văn	Ngọc	20/07/1990	Nam	10,0	8,5	9,3	8,9	8,0	8,5	
13	18-2-52480201-00074	Trần Huy	Núi	18/12/1989	Nam	10,0	6,3	10,0	8,2	4,0	5,9	
14	18-2-52480201-00017	Hoàng Gia	Phong	29/07/1992	Nam	10,0	7,5	9,5	8,5	3,8	5,8	
15	18-2-52480201-00041	Nguyễn Hưng	Phước	25/12/1994	Nam	8,0	8,0	8,0	8,0	0,0	3,2	HT
16	18-2-52480201-00033	Nguyễn Hoàng	Son	01/12/1994	Nam	10,0	8,0	8,8	8,4	2,3	4,9	
17	18-2-52480201-00034	Vũ Duy	Tân	12/09/1992	Nam	7,0	9,5	10,0	9,8	4,3	6,2	
18	18-2-52480201-00035	Nguyễn Quang	Thắng	07/12/1991	Nam	8,0	9,0	8,0	8,5	6,8	7,4	
19	18-2-52480201-00019	Lê Thị	Thư	26/03/1997	Nữ	10,0	8,5	9,5	9,0	10,0	9,7	
20	18-2-52480201-00037	Vũ Minh	Tiến	05/10/1995	Nam	8,0	6,2	7,8	7,0	3,3	4,9	
21	18-2-52480201-00038	Nguyễn Đình	Tiếp	05/05/1995	Nam	4,0	5,8	5,3	5,6	0,0	2,1	Vắng
22	18-2-52480201-00039	Nguyễn Hữu Phương	Tuấn	27/07/1986	Nam	10,0	8,8	8,3	8,6	3,3	5,6	
23	18-2-52480201-00012	Lý Văn	Đại	17/07/1995	Nam	10,0	9,0	9,0	9,0	7,5	8,2	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAT102 - TOÁN CAO CẤP 2

Lớp: 184201.DKTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 11

Ngành: Quản Trị Kinh Doanh

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
							10%	15%				
							A	B1				
1	18-2-52340101-00198	Mai Đức	Anh	17/03/1993	Nam	8,0	8,5	8,0	8,3	0,0	3,3	HT
2	18-2-52340101-00142	Mai Sĩ	Cường	08/12/1993	Nam	6,0	7,0	8,5	7,8	6,8	7,0	
3	18-2-52340101-00066	Tô Hải	Dương	11/12/1988	Nam	8,0	8,0	8,0	8,0	2,3	4,6	
4	18-2-52340101-00199	Nguyễn Thùy	Dương	22/09/1988	Nữ	10,0	8,5	8,3	8,4	6,8	7,6	
5	18-2-52340101-00109	Nguyễn Hữu	Hòa	23/01/1992	Nam	3,0	8,5	9,0	8,8	5,5	6,2	
6	18-2-52340101-00201	Hoàng Văn	Huyền	11/11/1986	Nam	6,0	7,0	8,5	7,8	4,5	5,6	
7	18-2-52340101-00110	Trần Văn	Quân	20/10/1991	Nam	0,0	4,5	1,8	3,2	0,0	1,0	Cấm thi
8	18-2-52340101-00144	Nguyễn Năng	Quang	13/11/1993	Nam	10,0	8,0	9,0	8,5	0,0	3,6	Vắng
9	18-2-52340101-00145	Nguyễn Văn	Quang	09/07/1989	Nam	2,0	3,0	7,0	5,0	4,5	4,4	
10	18-2-52340101-00112	Phạm Thị	Quỳnh	10/09/1995	Nữ	10,0	8,5	8,3	8,4	8,0	8,3	
11	18-2-52340101-00114	Nguyễn Văn	Vũ	26/04/1988	Nam	10,0	9,0	8,3	8,7	8,3	8,6	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAT102 - TOÁN CAO CẤP 2

Lớp: 184101.FTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 13

Ngành: Kế Toán

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1, Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
							10%	15%				
						A	B1	B2		B	T	D
1	18-2-52340301-00020	Đặng Xuân	Cường	10/10/1988	Nam	4,0	9,0	10,0	9,5	4,0	5,7	
2	18-2-52340301-00013	Lê Thị	Giang	07/04/1995	Nữ	10,0	8,0	9,0	8,5	6,0	7,2	
3	18-2-52340301-00021	Nguyễn Thị	Hà	06/06/1993	Nữ	10,0	8,2	9,5	8,9	4,5	6,4	
4	18-2-52340301-00047	Lê Thị Thu	Hiền	15/11/1989	Nữ	10,0	9,5	9,3	9,4	4,8	6,7	
5	18-2-52340301-00048	Bùi Lan	Hoa	05/09/1998	Nữ	0,0	4,2	5,3	4,8	0,0	1,4	Cấm thi
6	18-2-52340301-00031	Nguyễn Thị	Hoa	09/09/1995	Nữ	8,0	9,5	8,5	9,0	6,5	7,4	
7	18-2-52340301-00032	Trần Thị	Hoan	08/06/1992	Nữ	10,0	7,3	7,0	7,2	4,3	5,7	
8	18-2-52340301-00033	Đỗ Thị Thu	Hương	16/08/1997	Nữ	10,0	9,0	10,0	9,5	6,0	7,5	
9	18-2-52340301-00034	Vũ Văn	Mừng	25/07/1994	Nam	10,0	10,0	9,0	9,5	5,3	7,0	
10	18-2-52340301-00035	Nguyễn Ngọc	Quý	10/02/1990	Nam	10,0	2,0	10,0	6,0	4,3	5,4	
11	18-2-52340301-00015	Nông Thanh	Thủy	06/10/1985	Nữ	10,0	9,5	8,7	9,1	3,3	5,7	
12	18-2-52340301-00053	Nguyễn Thị	Thùy	22/04/1992	Nữ	7,0	7,3	8,5	7,9	3,3	5,1	
13	18-2-52340301-00054	Đặng Thị	Trang	05/12/1994	Nữ	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	Cấm thi

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
MAT102 - TOÁN CAO CẤP 2

Lớp: 184201.OTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 64

Ngành: Quản Trị Kinh Doanh

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTVN2				
							15%	15%				
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52340101-00121	Trần Tuấn	Anh	14/11/1993	Nam	10,0	9,0	10,0	9,5	1,3	4,6	
2	18-2-52340101-00174	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	22/03/1997	Nữ	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	Cấm thi
3	18-2-52340101-00175	Lý Thị	Ánh	22/03/1995	Nữ	4,0	6,0	8,5	7,3	7,5	7,1	
4	18-2-52340101-00176	Đỗ Văn	Bắc	01/08/1991	Nam	8,0	9,0	7,5	8,3	0,0	3,3	Vắng
5	18-2-52340101-00073	Lê Văn	Bích	16/10/1985	Nam	8,0	9,5	9,5	9,5	0,0	3,7	Vắng
6	18-2-52340101-00074	Trần Văn	Chiến	13/01/1997	Nam	10,0	10,0	9,8	9,9	6,0	7,6	
7	18-2-52340101-00213	Lương Thị	Chiến	18/10/1993	Nữ	8,0	5,8	8,0	6,9	5,3	6,1	
8	18-2-52340101-00122	Phan Văn	Chương	19/10/1991	Nam	10,0	8,0	9,0	8,5	7,3	7,9	
9	18-2-52340101-00075	La Tài	Cương	15/09/1996	Nam	10,0	10,0	9,0	9,5	6,0	7,5	
10	18-2-52340101-00077	Đỗ Văn	Cường	14/11/1995	Nam	10,0	8,5	10,0	9,3	0,0	3,8	
11	18-2-52340101-00076	Phạm Trung	Cường	01/01/1985	Nam	8,0	8,8	9,0	8,9	3,8	5,8	
12	18-2-52340101-00078	Lê Mạnh	Cường	13/07/1977	Nam	10,0	9,5	9,5	9,5	8,0	8,7	
13	18-2-52340101-00178	Đào Văn	Cường	09/01/1998	Nam	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
14	18-2-52340101-00081	Nguyễn Xuân	Hà	22/02/1986	Nam	8,0	8,0	8,5	8,3	6,5	7,2	
15	18-2-52340101-00124	Hoàng Văn	Hà	01/01/1987	Nam	10,0	10,0	9,3	9,7	6,3	7,7	
16	18-2-52340101-00179	Bùi Thị	Hà	03/09/1996	Nữ	10,0	8,5	8,3	8,4	0,0	3,5	HT
17	18-2-52340101-00083	Bùi Diệu	Hân	29/01/1998	Nữ	10,0	3,0	3,5	3,3	3,5	4,1	
18	18-2-52340101-00017	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	15/01/1998	Nữ	2,0	9,5	1,8	5,7	0,0	1,9	Vắng
19	18-2-52340101-00084	Phạm Hồng	Hạnh	03/10/1983	Nữ	8,0	9,5	0,0	4,8	6,8	6,3	
20	18-2-52340101-00085	Bạch Thị	Hậu	12/08/1998	Nữ	10,0	9,5	9,5	9,5	5,3	7,0	
21	18-2-52340101-00126	Vũ Văn	Hiển	21/12/1989	Nam	10,0	9,0	10,0	9,5	0,0	3,9	Vắng
22	18-2-52340101-00180	Ma Đình	Hiển	04/11/1994	Nam	10,0	9,0	8,5	8,8	6,5	7,5	
23	18-2-52340101-00127	Phạm Văn	Hòa	18/08/1994	Nam	10,0	9,5	9,5	9,5	8,8	9,1	
24	18-2-52340101-00086	Lê Ngọc	Hoàng	20/11/1990	Nam	4,0	9,0	9,5	9,3	4,8	6,1	
25	18-2-52340101-00128	Đào Huy	Hoàng	05/02/1991	Nam	10,0	9,5	10,0	9,8	5,8	7,4	
26	18-2-52340101-00087	Trần Văn	Huân	28/01/1988	Nam	10,0	9,0	9,0	9,0	4,0	6,1	
27	18-2-52340101-00088	Bùi Thị Bích	Huệ	20/03/1990	Nữ	4,0	8,5	9,5	9,0	8,0	7,9	
28	18-2-52340101-00181	Hoàng Xuân	Hung	03/05/1992	Nam	10,0	7,8	8,5	8,2	9,0	8,9	
29	18-2-52340101-00129	Nguyễn Thị Lan	Hương	19/02/1988	Nữ	10,0	10,0	10,0	10,0	5,3	7,2	
30	18-2-52340101-00089	Đặng Đình	Huy	13/11/1996	Nam	4,0	5,8	8,0	6,9	3,8	4,8	
31	18-2-52340101-00369	Khuất Đình	Kiên	01/01/1980	Nam	10,0	4,3	5,7	5,0	0,0	2,5	HT
32	18-2-52340101-00093	Nguyễn Thị	Lâm	25/04/1995	Nữ	10,0	10,0	10,0	10,0	8,8	9,3	
33	18-2-52340101-00094	Vũ Thị	Lệ	10/02/1997	Nữ	6,0	10,0	9,8	9,9	0,0	3,6	Vắng

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
							10%	15%	15%	30%	60%	100%
						A	B1	B2	B	T	D	
34	18-2-52340101-00095	Đào Trọng	Lịch	17/06/1995	Nam	10,0	10,0	10,0	10,0	5,3	7,2	
35	18-2-52340101-00183	Trần Thị Thùy	Linh	24/05/1999	Nữ	10,0	8,3	8,5	8,4	9,0	8,9	
36	18-2-52340101-00130	Trần Nhật	Minh	30/01/1991	Nam	10,0	9,5	8,5	9,0	7,3	8,1	
37	18-2-52340101-00096	Ngô Thị	Mỹ	16/10/1992	Nữ	10,0	9,0	9,5	9,3	6,3	7,6	
38	18-2-52340101-00097	Nguyễn Thị	Ngân	03/06/1997	Nữ	10,0	9,3	10,0	9,7	5,5	7,2	
39	18-2-52340101-00131	Vũ Minh	Nghĩa	09/06/1984	Nam	6,0	8,0	8,8	8,4	0,0	3,1	Vắng
40	18-2-52340101-00098	Nguyễn Sỹ	Nguyễn	06/03/1987	Nam	10,0	8,8	6,8	7,8	4,5	6,0	
41	18-2-52340101-00132	Nguyễn Thị	Nhâm	20/05/1978	Nữ	10,0	7,5	8,3	7,9	6,5	7,3	
42	18-2-52340101-00133	Trương Tuấn	Phương	13/10/1979	Nam	10,0	2,5	8,0	5,3	3,0	4,4	
43	18-2-52340101-00185	Trần Hoài	Phương	13/09/1994	Nữ	10,0	8,8	9,0	8,9	3,0	5,5	
44	18-2-52340101-00099	Trần Việt	Quang	04/09/1982	Nam	10,0	10,0	10,0	10,0	5,5	7,3	
45	18-2-52340101-00186	Nguyễn Huy	Quang	09/06/1981	Nam	10,0	8,0	9,0	8,5	2,8	5,2	
46	18-2-52340101-00134	Ngô Thị	Quyên	15/02/1994	Nữ	10,0	8,8	9,0	8,9	0,0	3,7	Vắng
47	18-2-52340101-00135	Vũ Văn	Sang	17/09/1996	Nam	10,0	9,3	10,0	9,7	7,8	8,6	
48	18-2-52340101-00100	Lưu Văn	Sáng	27/09/1989	Nam	8,0	8,0	9,0	8,5	4,5	6,1	
49	18-2-52340101-00136	Lê Ngọc	Son	25/11/1992	Nam	10,0	2,0	4,7	3,4	2,5	3,5	
50	18-2-52340101-00101	Hoàng Văn	Thanh	11/08/1984	Nam	7,0	8,0	9,5	8,8	2,3	4,7	
51	18-2-52340101-00138	Phạm Thị	Thảo	15/01/1994	Nữ	4,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,4	Cấm thi
52	18-2-52340101-00058	Vũ Văn	Thường	19/04/1984	Nam	10,0	10,0	9,0	9,5	5,3	7,0	
53	18-2-52340101-00139	Nguyễn Trọng	Thường	25/08/1995	Nam	8,0	9,5	10,0	9,8	3,5	5,8	
54	18-2-52340101-00102	Thân Thị Huyền	Trang	03/01/1992	Nữ	10,0	9,0	9,5	9,3	3,0	5,6	
55	18-2-52340101-00190	Nguyễn Thị	Trang	26/05/1994	Nữ	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	Cấm thi
56	18-2-52340101-00192	Nguyễn Văn	Trung	13/06/1986	Nam	6,0	7,5	9,5	8,5	2,8	4,8	
57	18-2-52340101-00061	Lê Văn	Tuấn	17/12/1990	Nam	10,0	8,0	9,5	8,8	7,5	8,1	
58	18-2-52340101-00194	Nguyễn Văn	Tuấn	19/07/1987	Nam	8,0	8,8	8,2	8,5	9,3	8,9	
59	18-2-52340101-00141	Nguyễn Trọng	Tùng	09/07/1995	Nam	10,0	9,5	10,0	9,8	5,8	7,4	
60	18-2-52340101-00195	Quách Duy	Tuyên	20/05/1985	Nam	7,0	10,0	10,0	10,0	5,0	6,7	
61	18-2-52340101-00105	Đoàn Như	Vũ	25/11/1989	Nam	10,0	9,5	10,0	9,8	0,0	3,9	Vắng
62	18-2-52340101-00123	Phạm Xuân	Đà	28/02/1991	Nam	8,0	8,0	8,0	8,0	4,5	5,9	
63	18-2-52340101-00041	Nguyễn Thành	Đạt	21/11/1993	Nam	0,0	7,8	0,0	3,9	0,0	1,2	Cấm thi
64	18-2-52340101-00079	Tạ Tiên	Đạt	02/12/1990	Nam	3,0	8,5	6,2	7,4	4,5	5,2	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm



Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
PSD102 - PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG CÁ NHÂN 2

Lớp: 184101.ACTN31 Hệ: Từ xa
Tổng số học viên: 4
Ngành: Kế Toán
Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018
Ngày thi: 13/01/2019
Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTKN1				
							15%	15%				
							A	B1	B2	B	T	D
1	18-2-52340301-00055	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	13/08/1984	Nữ	6,0	9,5	0,0	4,8	0,0	2,0	Vắng
2	18-2-52340301-00023	Trần Thị Ngọc	Hà	10/03/1990	Nữ	8,0	10,0	4,0	7,0	9,8	8,8	
3	18-2-52340301-00036	Nguyễn Thúy	Hạnh	13/05/1984	Nữ	10,0	9,8	9,0	9,4	9,8	9,7	
4	18-2-52340301-00056	Trịnh Quốc	Hung	16/10/1979	Nam	10,0	10,0	8,0	9,0	9,8	9,6	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:
 $D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019
Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
PSD102 - PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG CÁ NHÂN 2

Lớp: 184101.AKTN31 Hệ: Từ xa
Tổng số học viên: 15
Ngành: Kế Toán

Năm nhập học: 2018
Ngày thi: 13/01/2019
Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTKN1				
						10%	15%	15%	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52340301-00024	Phạm Thị	Hạnh	04/10/1988	Nữ	10,0	10,0	9,0	9,5	7,8	8,5	
2	18-2-52340301-00059	Nguyễn Thị	Hương	01/10/1992	Nữ	10,0	9,5	8,0	8,8	9,5	9,3	
3	18-2-52340301-00039	Trịnh Quang	Huy	12/10/1980	Nam	10,0	9,5	4,0	6,8	9,8	8,9	
4	18-2-52340301-00025	Nguyễn Hồng	Liên	14/08/1990	Nữ	10,0	10,0	7,0	8,5	9,8	9,4	
5	18-2-52340301-00026	Đường Thị	Mai	15/02/1982	Nữ	10,0	9,0	8,0	8,5	9,3	9,1	
6	18-2-52340301-00027	Bùi Thị	Nhuận	08/06/1990	Nữ	10,0	9,5	8,0	8,8	8,8	8,9	
7	18-2-52340301-00018	Đào Thị	Phượng	26/04/1994	Nữ	10,0	9,3	8,0	8,7	0,0	3,6	Vắng
8	18-2-52340301-00041	Nguyễn Thị	Thanh	04/02/1986	Nữ	10,0	10,0	8,0	9,0	9,3	9,3	
9	18-2-52340301-00028	Trần Thủy	Tiền	10/09/1993	Nữ	10,0	9,5	8,0	8,8	7,5	8,1	
10	18-2-52340301-00042	Đào Thị	Tiến	16/01/1989	Nữ	10,0	9,5	7,0	8,3	0,0	3,5	Vắng
11	18-2-52340301-00061	Nguyễn Thị Huyền	Trang	03/03/1988	Nữ	10,0	9,8	8,0	8,9	8,5	8,8	
12	18-2-52340301-00043	Lê Thanh	Tuấn	23/10/1986	Nam	2,0	6,0	0,0	3,0	0,0	1,1	Vắng
13	18-2-52340301-00029	Ngô Thị	Vân	14/01/1985	Nữ	10,0	7,5	9,0	8,3	9,0	8,9	
14	18-2-52340301-00030	Nguyễn Quốc	Việt	26/04/1978	Nam	10,0	10,0	7,0	8,5	9,3	9,1	
15	18-2-52340301-00038	Nguyễn Minh	Đức	27/12/1991	Nam	10,0	8,3	1,0	4,7	9,3	8,0	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
PSD102 - PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG CÁ NHÂN 2

Lớp: 184201.CKTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 12

Ngành: Quản Trị Kinh Doanh

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTKN1				
						10%	15%	15%	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52340101-00146	Nhữ Thế	Anh	11/10/1994	Nam	10,0	10,0	8,0	9,0	7,8	8,4	
2	18-2-52340101-00148	Phạm Thanh	Chung	15/06/1992	Nam	0,0	9,0	1,0	5,0	0,0	1,5	Cấm thi
3	18-2-52340101-00039	Nguyễn	Du	21/02/1984	Nam	10,0	8,5	4,0	6,3	8,8	8,2	
4	18-2-52340101-00206	Mâu Tiến	Dũng	21/07/1988	Nam	10,0	9,5	8,0	8,8	8,5	8,7	
5	18-2-52340101-00117	Hoàng Đình	Hoan	26/06/1977	Nam	10,0	10,0	8,0	9,0	9,0	9,1	
6	18-2-52340101-00207	Nguyễn Thị	Huệ	01/10/1985	Nữ	10,0	9,5	8,0	8,8	7,5	8,1	
7	18-2-52340101-00118	Nguyễn Khánh	Ly	06/11/1993	Nữ	5,0	8,5	4,0	6,3	9,0	7,8	
8	18-2-52340101-00119	Đình Như	Phan	22/08/1984	Nam	10,0	9,5	9,0	9,3	9,5	9,5	
9	18-2-52340101-00150	Bùi Huy	Thắng	04/09/1986	Nam	10,0	10,0	7,0	8,5	8,5	8,7	
10	18-2-52340101-00120	Trịnh Tiến	Thành	01/11/1982	Nam	10,0	9,5	8,0	8,8	9,5	9,3	
11	18-2-52340101-00209	Nguyễn Minh	Tuấn	22/10/1991	Nam	10,0	10,0	8,0	9,0	0,0	3,7	Vắng
12	18-2-52340101-00205	Tường Duy	Đức	24/11/1969	Nam	9,0	9,0	8,0	8,5	8,3	8,4	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
PSD102 - PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG CÁ NHÂN 2

Lớp: 184201.DCTN31 Hệ: Từ xa
Tổng số học viên: 4
Ngành: Quản Trị Kinh Doanh
Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1, Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018
Ngày thi: 13/01/2019
Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
						10%	BTVN1	BTKN1				
							15%	15%				
							A	B1	B2	B	T	D
1	18-2-52340101-00108	Phạm Thị Thanh	Phương	02/09/1989	Nữ	10,0	7,3	8,0	7,7	9,0	8,7	
2	18-2-52340101-00248	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/10/1994	Nữ	8,0	7,3	8,0	7,7	7,0	7,3	
3	18-2-52340101-00106	Nguyễn Tiến	Đạt	28/02/1991	Nam	10,0	10,0	4,0	7,0	8,8	8,4	
4	18-2-52340101-00196	Nguyễn Trọng	Đạt	02/01/1991	Nam	10,0	9,5	8,0	8,8	9,5	9,3	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
PSD102 - PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG CÁ NHÂN 2

Lớp: 184201.DKTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 11

Ngành: Quản Trị Kinh Doanh

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTKN1				
							10%	15%				
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52340101-00198	Mai Đức	Anh	17/03/1993	Nam	10,0	10,0	8,0	9,0	0,0	3,7	HT
2	18-2-52340101-00142	Mai Sĩ	Cường	08/12/1993	Nam	10,0	8,0	8,0	8,0	7,8	8,1	
3	18-2-52340101-00066	Tô Hải	Dương	11/12/1988	Nam	10,0	10,0	7,0	8,5	8,5	8,7	
4	18-2-52340101-00199	Nguyễn Thùy	Dương	22/09/1988	Nữ	10,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,2	
5	18-2-52340101-00109	Nguyễn Hữu	Hòa	23/01/1992	Nam	10,0	7,0	8,0	7,5	7,3	7,6	
6	18-2-52340101-00201	Hoàng Văn	Huyền	11/11/1986	Nam	10,0	8,5	8,0	8,3	8,5	8,6	
7	18-2-52340101-00110	Trần Văn	Quân	20/10/1991	Nam	5,0	8,0	1,0	4,5	0,0	1,9	Vắng
8	18-2-52340101-00144	Nguyễn Năng	Quang	13/11/1993	Nam	10,0	10,0	8,0	9,0	0,0	3,7	Vắng
9	18-2-52340101-00145	Nguyễn Văn	Quang	09/07/1989	Nam	2,0	6,5	0,0	3,3	7,5	5,7	
10	18-2-52340101-00112	Phạm Thị	Quỳnh	10/09/1995	Nữ	10,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,2	
11	18-2-52340101-00114	Nguyễn Văn	Vũ	26/04/1988	Nam	10,0	9,5	8,0	8,8	8,8	8,9	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
PSD102 - PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG CÁ NHÂN 2

Lớp: 184101.FTN31 Hệ: Từ xa
Tổng số học viên: 13
Ngành: Kế Toán

Năm nhập học: 2018
Ngày thi: 13/01/2019
Lần thi thứ: 01

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1, Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTKN1				
							10%	15%				
							A	B1	B2	B	T	D
1	18-2-52340301-00020	Đặng Xuân	Cường	10/10/1988	Nam	10,0	9,5	8,0	8,8	9,0	9,0	
2	18-2-52340301-00013	Lê Thị	Giang	07/04/1995	Nữ	10,0	8,7	9,0	8,9	6,8	7,8	
3	18-2-52340301-00021	Nguyễn Thị	Hà	06/06/1993	Nữ	10,0	9,5	9,0	9,3	9,5	9,5	
4	18-2-52340301-00047	Lê Thị Thu	Hiền	15/11/1989	Nữ	10,0	10,0	8,0	9,0	9,5	9,4	
5	18-2-52340301-00048	Bùi Lan	Hoa	05/09/1998	Nữ	0,0	8,5	0,0	4,3	0,0	1,3	Cấm thi
6	18-2-52340301-00031	Nguyễn Thị	Hoa	09/09/1995	Nữ	10,0	9,5	8,0	8,8	8,0	8,4	
7	18-2-52340301-00032	Trần Thị	Hoan	08/06/1992	Nữ	10,0	9,0	8,0	8,5	5,8	7,0	
8	18-2-52340301-00033	Đỗ Thị Thu	Hương	16/08/1997	Nữ	10,0	9,5	8,0	8,8	9,3	9,2	
9	18-2-52340301-00034	Vũ Văn	Mừng	25/07/1994	Nam	10,0	8,5	8,0	8,3	9,5	9,2	
10	18-2-52340301-00035	Nguyễn Ngọc	Quý	10/02/1990	Nam	10,0	7,2	8,0	7,6	8,3	8,3	
11	18-2-52340301-00015	Nông Thanh	Thủy	06/10/1985	Nữ	10,0	8,0	8,0	8,0	7,0	7,6	
12	18-2-52340301-00053	Nguyễn Thị	Thủy	22/04/1992	Nữ	5,0	7,8	0,0	3,9	7,0	5,9	
13	18-2-52340301-00054	Đặng Thị	Trang	05/12/1994	Nữ	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	Cấm thi

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
PSD102 - PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG CÁ NHÂN 2

Lớp: 181101.HTN29 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 1

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTKN1				
							10%	15%				
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52480201-00061	Trần Phú	Phẩm	02/10/1979	Nam	10,0	7,5	8,0	7,8	8,8	8,6	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
PSD102 - PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG CÁ NHÂN 2

Lớp: 184201.OTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 64

Ngành: Quản Trị Kinh Doanh

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTKN1				
							10%	15%				
							A	B1				
1	18-2-52340101-00121	Trần Tuấn	Anh	14/11/1993	Nam	10,0	9,5	8,0	8,8	9,3	9,2	
2	18-2-52340101-00174	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	22/03/1997	Nữ	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	Cấm thi
3	18-2-52340101-00175	Lý Thị	Ánh	22/03/1995	Nữ	4,0	9,0	0,0	4,5	9,3	7,3	
4	18-2-52340101-00176	Đỗ Văn	Bắc	01/08/1991	Nam	10,0	8,5	8,0	8,3	0,0	3,5	Vắng
5	18-2-52340101-00073	Lê Văn	Bích	16/10/1985	Nam	10,0	10,0	8,0	9,0	0,0	3,7	Vắng
6	18-2-52340101-00074	Trần Văn	Chiến	13/01/1997	Nam	10,0	10,0	8,0	9,0	8,0	8,5	
7	18-2-52340101-00213	Lương Thị	Chiến	18/10/1993	Nữ	9,0	7,3	1,0	4,2	6,8	6,2	
8	18-2-52340101-00122	Phan Văn	Chương	19/10/1991	Nam	10,0	10,0	9,0	9,5	8,3	8,8	
9	18-2-52340101-00075	La Tài	Cương	15/09/1996	Nam	10,0	8,5	4,0	6,3	6,3	6,7	
10	18-2-52340101-00077	Đỗ Văn	Cường	14/11/1995	Nam	10,0	8,5	8,0	8,3	0,0	3,5	HT
11	18-2-52340101-00076	Phạm Trung	Cường	01/01/1985	Nam	10,0	10,0	8,0	9,0	6,8	7,8	
12	18-2-52340101-00078	Lê Mạnh	Cường	13/07/1977	Nam	10,0	10,0	8,0	9,0	8,3	8,7	
13	18-2-52340101-00178	Đào Văn	Cường	09/01/1998	Nam	6,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,6	Cấm thi
14	18-2-52340101-00081	Nguyễn Xuân	Hạ	22/02/1986	Nam	10,0	7,7	7,0	7,4	8,5	8,3	
15	18-2-52340101-00124	Hoàng Văn	Hà	01/01/1987	Nam	10,0	10,0	4,0	7,0	8,3	8,1	
16	18-2-52340101-00179	Bùi Thị	Hà	03/09/1996	Nữ	10,0	7,5	8,0	7,8	0,0	3,3	
17	18-2-52340101-00083	Bùi Diệu	Hân	29/01/1998	Nữ	9,0	6,0	0,0	3,0	6,8	5,9	
18	18-2-52340101-00017	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	15/01/1998	Nữ	2,0	5,3	1,0	3,2	0,0	1,2	Vắng
19	18-2-52340101-00084	Phạm Hồng	Hạnh	03/10/1983	Nữ	10,0	8,5	1,0	4,8	8,8	7,7	
20	18-2-52340101-00085	Bạch Thị	Hậu	12/08/1998	Nữ	10,0	10,0	8,0	9,0	9,5	9,4	
21	18-2-52340101-00126	Vũ Văn	Hiển	21/12/1989	Nam	10,0	9,5	0,0	4,8	0,0	2,4	Vắng
22	18-2-52340101-00180	Ma Đình	Hiển	04/11/1994	Nam	10,0	6,8	8,0	7,4	7,8	7,9	
23	18-2-52340101-00127	Phạm Văn	Hòa	18/08/1994	Nam	10,0	9,5	4,0	6,8	7,3	7,4	
24	18-2-52340101-00086	Lê Ngọc	Hoàng	20/11/1990	Nam	10,0	7,5	8,0	7,8	4,8	6,2	
25	18-2-52340101-00128	Đào Huy	Hoàng	05/02/1991	Nam	10,0	10,0	7,0	8,5	7,8	8,2	
26	18-2-52340101-00087	Trần Văn	Huân	28/01/1988	Nam	10,0	10,0	8,0	9,0	7,3	8,1	
27	18-2-52340101-00088	Bùi Thị Bích	Huệ	20/03/1990	Nữ	9,0	10,0	9,0	9,5	8,3	8,7	
28	18-2-52340101-00181	Hoàng Xuân	Hưng	03/05/1992	Nam	10,0	10,0	4,0	7,0	7,8	7,8	
29	18-2-52340101-00129	Nguyễn Thị Lan	Hương	19/02/1988	Nữ	10,0	10,0	8,0	9,0	9,8	9,6	
30	18-2-52340101-00089	Đặng Đình	Huy	13/11/1996	Nam	4,0	6,5	0,0	3,3	8,8	6,7	
31	18-2-52340101-00369	Khuất Đình	Kiên	01/01/1980	Nam	10,0	8,0	0,0	4,0	0,0	2,2	HT
32	18-2-52340101-00093	Nguyễn Thị	Lâm	25/04/1995	Nữ	10,0	9,5	8,0	8,8	9,5	9,3	
33	18-2-52340101-00094	Vũ Thị	Lệ	10/02/1997	Nữ	5,0	10,0	1,0	5,5	0,0	2,2	Vắng

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTKN1				
						10%	15%	15%				
						A	B1	B2		T	D	
34	18-2-52340101-00095	Đào Trọng	Lịch	17/06/1995	Nam	10,0	10,0	4,0	7,0	7,0	7,3	
35	18-2-52340101-00183	Trần Thị Thùy	Linh	24/05/1999	Nữ	10,0	8,5	8,0	8,3	9,5	9,2	
36	18-2-52340101-00130	Trần Nhật	Minh	30/01/1991	Nam	10,0	9,0	8,0	8,5	7,5	8,1	
37	18-2-52340101-00096	Ngô Thị	Mỹ	16/10/1992	Nữ	10,0	8,0	8,0	8,0	8,3	8,4	
38	18-2-52340101-00097	Nguyễn Thị	Ngân	03/06/1997	Nữ	10,0	8,0	8,0	8,0	8,5	8,5	
39	18-2-52340101-00131	Vũ Minh	Nghĩa	09/06/1984	Nam	6,0	9,5	0,0	4,8	0,0	2,0	Vắng
40	18-2-52340101-00098	Nguyễn Sỹ	Nguyễn	06/03/1987	Nam	10,0	10,0	8,0	9,0	9,3	9,3	
41	18-2-52340101-00132	Nguyễn Thị	Nhâm	20/05/1978	Nữ	10,0	9,5	8,0	8,8	6,0	7,2	
42	18-2-52340101-00133	Trương Tuấn	Phương	13/10/1979	Nam	10,0	5,5	1,0	3,3	7,0	6,2	
43	18-2-52340101-00185	Trần Hoài	Phương	13/09/1994	Nữ	10,0	10,0	4,0	7,0	9,0	8,5	
44	18-2-52340101-00099	Trần Việt	Quang	04/09/1982	Nam	10,0	8,5	7,0	7,8	8,3	8,3	
45	18-2-52340101-00186	Nguyễn Huy	Quang	09/06/1981	Nam	10,0	10,0	8,0	9,0	8,5	8,8	
46	18-2-52340101-00134	Ngô Thị	Quyên	15/02/1994	Nữ	10,0	9,0	8,0	8,5	0,0	3,6	Vắng
47	18-2-52340101-00135	Vũ Văn	Sang	17/09/1996	Nam	10,0	10,0	8,0	9,0	10,0	9,7	
48	18-2-52340101-00100	Lưu Văn	Sáng	27/09/1989	Nam	10,0	8,0	9,0	8,5	7,0	7,8	
49	18-2-52340101-00136	Lê Ngọc	Son	25/11/1992	Nam	10,0	7,5	4,0	5,8	7,5	7,2	
50	18-2-52340101-00101	Hoàng Văn	Thanh	11/08/1984	Nam	10,0	8,0	4,0	6,0	7,5	7,3	
51	18-2-52340101-00138	Phạm Thị	Thảo	15/01/1994	Nữ	7,0	0,0	1,0	0,5	0,0	0,9	Cấm thi
52	18-2-52340101-00058	Vũ Văn	Thường	19/04/1984	Nam	10,0	9,5	9,0	9,3	6,5	7,7	
53	18-2-52340101-00139	Nguyễn Trọng	Thường	25/08/1995	Nam	8,0	7,0	0,0	3,5	8,3	6,8	
54	18-2-52340101-00102	Thân Thị Huyền	Trang	03/01/1992	Nữ	10,0	9,0	8,0	8,5	8,0	8,4	
55	18-2-52340101-00190	Nguyễn Thị	Trang	26/05/1994	Nữ	2,0	3,8	0,0	1,9	0,0	0,8	Cấm thi
56	18-2-52340101-00192	Nguyễn Văn	Trung	13/06/1986	Nam	10,0	9,5	8,0	8,8	8,5	8,7	
57	18-2-52340101-00061	Lê Văn	Tuấn	17/12/1990	Nam	10,0	8,0	8,0	8,0	9,3	9,0	
58	18-2-52340101-00194	Nguyễn Văn	Tuấn	19/07/1987	Nam	10,0	9,5	8,0	8,8	8,3	8,6	
59	18-2-52340101-00141	Nguyễn Trọng	Tùng	09/07/1995	Nam	10,0	9,0	8,0	8,5	9,3	9,1	
60	18-2-52340101-00195	Quách Duy	Tuyên	20/05/1985	Nam	10,0	10,0	4,0	7,0	9,8	9,0	
61	18-2-52340101-00105	Đoàn Như	Vũ	25/11/1989	Nam	10,0	10,0	5,0	7,5	0,0	3,3	Vắng
62	18-2-52340101-00123	Phạm Xuân	Đà	28/02/1991	Nam	10,0	8,0	8,0	8,0	8,3	8,4	
63	18-2-52340101-00041	Nguyễn Thành	Đạt	21/11/1993	Nam	3,0	5,8	1,0	3,4	0,0	1,3	Vắng
64	18-2-52340101-00079	Tạ Tiên	Đạt	02/12/1990	Nam	2,0	7,0	0,0	3,5	8,5	6,4	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm



Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
PSD102 - PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG CÁ NHÂN 2

Lớp: 181101.QTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 23

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTKN1				
							10%	15%				
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52480201-00052	Trần Đức	Anh	09/11/1985	Nam	10,0	9,0	8,0	8,5	7,5	8,1	
2	18-2-52480201-00024	Phạm Đức	Dũng	05/06/1989	Nam	9,0	8,8	1,0	4,9	0,0	2,4	Vắng
3	18-2-52480201-00025	Mẫn Xuân	Hà	31/10/1993	Nam	10,0	9,5	8,0	8,8	8,3	8,6	
4	18-2-52480201-00026	Nguyễn Văn	Hào	19/11/1998	Nam	10,0	9,5	8,0	8,8	9,0	9,0	
5	18-2-52480201-00054	Nguyễn Thái	Hiền	17/02/1994	Nam	10,0	9,5	8,0	8,8	8,3	8,6	
6	18-2-52480201-00027	Mã Văn	Hiệp	27/04/1990	Nam	10,0	10,0	4,0	7,0	9,3	8,7	
7	18-2-52480201-00055	Nguyễn Việt	Hòa	18/02/1992	Nam	10,0	9,5	8,0	8,8	8,3	8,6	
8	18-2-52480201-00029	Nguyễn Quang	Huy	18/03/1994	Nam	10,0	9,5	8,0	8,8	8,5	8,7	
9	18-2-52480201-00030	Hoàng Thảo	Loan	24/04/1994	Nữ	10,0	10,0	9,0	9,5	9,0	9,3	
10	18-2-52480201-00031	Nguyễn Văn	Long	30/12/1993	Nam	10,0	7,0	7,0	7,0	7,0	7,3	
11	18-2-52480201-00057	Nguyễn Thanh	Long	21/12/1983	Nam	10,0	10,0	8,0	9,0	7,3	8,1	
12	18-2-52480201-00016	Nguyễn Văn	Ngọc	20/07/1990	Nam	10,0	10,0	8,0	9,0	8,8	9,0	
13	18-2-52480201-00074	Trần Huy	Núi	18/12/1989	Nam	10,0	6,8	8,0	7,4	6,3	7,0	
14	18-2-52480201-00017	Hoàng Gia	Phong	29/07/1992	Nam	10,0	10,0	8,0	9,0	8,5	8,8	
15	18-2-52480201-00041	Nguyễn Hưng	Phước	25/12/1994	Nam	7,0	9,5	4,0	6,8	0,0	2,7	HT
16	18-2-52480201-00033	Nguyễn Hoàng	Sơn	01/12/1994	Nam	10,0	8,8	0,0	4,4	7,8	7,0	
17	18-2-52480201-00034	Vũ Duy	Tân	12/09/1992	Nam	10,0	10,0	8,0	9,0	7,8	8,4	
18	18-2-52480201-00035	Nguyễn Quang	Thắng	07/12/1991	Nam	10,0	9,5	4,0	6,8	9,8	8,9	
19	18-2-52480201-00019	Lê Thị	Thư	26/03/1997	Nữ	10,0	10,0	8,0	9,0	10,0	9,7	
20	18-2-52480201-00037	Vũ Minh	Tiền	05/10/1995	Nam	4,0	6,3	0,0	3,2	5,0	4,4	
21	18-2-52480201-00038	Nguyễn Đình	Tiếp	05/05/1995	Nam	7,0	7,0	4,0	5,5	0,0	2,4	Vắng
22	18-2-52480201-00039	Nguyễn Hữu Phương	Tuấn	27/07/1986	Nam	10,0	9,2	8,0	8,6	8,3	8,6	
23	18-2-52480201-00012	Lý Văn	Đại	17/07/1995	Nam	10,0	10,0	7,0	8,5	9,0	9,0	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
PSD102 - PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG CÁ NHÂN 2

Lớp: 181101.SKTN31 Hệ: Từ xa
Tổng số học viên: 2
Ngành: Công nghệ thông tin
Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1, Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018
Ngày thi: 13/01/2019
Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTKN1				
							10%	15%	15%	30%	60%	100%
							A	B1	B2	B	T	D
1	18-2-52480201-00044	Tô Văn Khương	Duy	21/07/1992	Nam	9,0	6,3	1,0	3,7	8,3	7,0	
2	18-2-52480201-00063	Trần Thị	Ngân	26/10/1983	Nữ	10,0	7,5	4,0	5,8	7,3	7,1	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:
 $D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
PHH101 - TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Lớp: 171101.HTN23 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 5

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTKN1				
							10%	10%				
							A	B1				
1	17-2-52480201-00102	Đoàn Văn	Cảnh	24/10/1989	Nam	7,5	7,2	8,0	7,6	5,5	6,1	
2	17-2-52480201-00103	Hoàng Văn	Chịnh	09/06/1983	Nam	7,5	9,2	8,5	8,9	7,3	7,6	
3	17-2-52480201-00185	Nguyễn Văn	Phương	12/12/1992	Nam	10,0	9,2	8,5	8,9	6,5	7,3	
4	17-2-52480201-00186	Nguyễn Hồng	Quang	21/12/1983	Nam	10,0	10,0	4,0	7,0	8,8	8,6	
5	17-2-52480201-00104	Trần Văn	Tuyển	12/01/1980	Nam	10,0	7,8	4,0	5,9	6,8	6,9	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
PHH101 - TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Lớp: 171101.QTN25 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 17

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTKN1				
							10%	10%				
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52480201-00115	Phạm Văn	Chung	18/11/1987	Nam	7,5	8,5	5,0	6,8	6,5	6,7	
2	17-2-52480201-00091	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	08/04/1993	Nữ	10,0	9,5	9,0	9,3	8,5	8,8	
3	17-2-52480201-00117	Vũ Thị	Hà	25/11/1994	Nữ	10,0	8,8	8,0	8,4	0,0	2,7	Vắng
4	17-2-52480201-00167	Đỗ Bá	Hùng	15/04/1987	Nam	10,0	10,0	4,0	7,0	0,0	2,4	HT
5	17-2-52480201-00121	Vũ Bá	Kiên	20/04/1981	Nam	10,0	8,7	5,0	6,9	6,5	6,9	
6	17-2-52480201-00148	Hồ Trần	Kiên	07/05/1996	Nam	7,5	7,5	5,0	6,3	8,0	7,6	
7	17-2-52480201-00122	Lê Hoàng	Lâm	28/04/1991	Nam	10,0	9,5	6,0	7,8	5,3	6,3	
8	17-2-52480201-00149	Nguyễn Văn	Mạnh	18/12/1990	Nam	10,0	8,5	5,0	6,8	8,8	8,5	
9	17-2-52480201-00124	Quán Văn	Nam	08/05/1983	Nam	10,0	10,0	7,0	8,5	9,8	9,6	
10	17-2-52480201-00095	Hoàng Trọng	Quý	23/01/1990	Nam	10,0	9,0	4,0	6,5	5,8	6,4	
11	17-2-52480201-00125	Nguyễn Mạnh	Quý	20/02/1997	Nam	10,0	8,0	9,0	8,5	5,0	6,2	
12	17-2-52480201-00096	Phạm Mạnh	Sen	02/03/1990	Nam	7,5	7,8	8,0	7,9	6,3	6,7	
13	17-2-52480201-00098	Lê Xuân	Thứ	07/05/1993	Nam	10,0	9,5	8,0	8,8	0,0	2,8	Vắng
14	17-2-52480201-00151	Nguyễn Thị	Thu	14/10/1996	Nữ	0,0	6,0	0,0	3,0	0,0	0,6	Cấm thi
15	17-2-52480201-00099	Thân Trịnh	Trọng	20/07/1995	Nam	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	Cấm thi
16	17-2-52480201-00100	Phạm Quang	Tuấn	22/03/1995	Nam	0,0	6,0	0,0	3,0	0,0	0,6	Cấm thi
17	17-2-52480201-00130	Lê Duy	Vũ	14/03/1990	Nam	10,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,1	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A*0.1 + B*0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T*0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
PHH101 - TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Lớp: 171101.QTN27 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 8

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTKN1				
							10%	10%				
							A	B1 B2				
1	17-2-52480201-00160	Nguyễn Tuấn	Anh	09/09/1993	Nam	10,0	8,5	8,0	8,3	8,8	8,8	
2	17-2-52480201-00163	Lê Việt	Dương	11/07/1986	Nam	10,0	8,5	8,0	8,3	8,8	8,8	
3	17-2-52480201-00195	Lê Thị	Hoài	15/11/1993	Nữ	10,0	7,5	5,0	6,3	8,8	8,4	
4	17-2-52480201-00146	Đông Văn	Hường	01/11/1992	Nam	10,0	8,5	5,0	6,8	8,5	8,3	
5	17-2-52480201-00147	Phạm Văn	Khanh	08/06/1989	Nam	10,0	10,0	8,0	9,0	9,8	9,7	
6	17-2-52480201-00178	Nguyễn Văn	Thiệu	12/01/1996	Nam	10,0	8,5	7,0	7,8	8,8	8,7	
7	17-2-52480201-00179	Phạm Quốc	Toàn	17/02/1994	Nam	10,0	7,0	5,0	6,0	8,8	8,4	
8	17-2-52480201-00197	Nguyễn Văn	Trường	07/02/1995	Nam	10,0	8,7	0,0	4,4	7,3	7,0	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
SE101 - NHẬP MÔN LẬP TRÌNH (C)

Lớp: 181101.HTN29 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 1

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
							10%	15%				
							A	B1				
1	18-2-52480201-00061	Trần Phú	Phẩm	02/10/1979	Nam	7,5	8,2	9,5	8,9	6,5	7,3	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
SE101 - NHẬP MÔN LẬP TRÌNH (C)

Lớp: 181101.SKTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 2

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1, Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
							10%	15%				
							A	B1				
1	18-2-52480201-00044	Tô Văn Khương	Duy	21/07/1992	Nam	10,0	7,8	6,3	7,1	3,5	5,2	
2	18-2-52480201-00063	Trần Thị	Ngân	26/10/1983	Nữ	10,0	9,0	10,0	9,5	6,8	7,9	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
SE302 - QUẢN LÝ DỰ ÁN PHẦN MỀM

Lớp: 161101.QTN15 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 10

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2016

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
							10%	15%				
						A	B1	B2	B	T	D	
1	16-2-52480201-00010	Nguyễn Tuấn	Anh	16/05/1986	Nam	8,0	10,0	9,5	9,8	7,8	8,4	
2	16-2-52480201-00013	Vi Văn	Dương	28/02/1986	Nam	6,0	8,5	10,0	9,3	5,3	6,6	
3	15-2-52480201-00293	Lê Mạnh	Hà	06/05/1989	Nam	8,0	8,0	8,0	8,0	6,5	7,1	
4	16-2-52480201-00014	Nguyễn Thị	Hạnh	17/02/1993	Nữ	8,0	8,5	10,0	9,3	6,8	7,7	
5	16-2-52480201-00001	Hồ Hữu	Hoàng	18/04/1989	Nam	6,0	9,0	10,0	9,5	7,0	7,7	
6	15-2-52480201-00297	Trần Đình	Quang	31/08/1985	Nam	8,0	6,7	10,0	8,4	7,5	7,8	
7	16-2-52480201-00003	Mai Xuân	Thanh	16/07/1989	Nam	8,0	10,0	10,0	10,0	8,8	9,1	
8	15-2-52480201-00325	Nguyễn Thị	Thảo	02/08/1991	Nữ	6,0	8,0	8,5	8,3	6,0	6,7	
9	15-2-52480201-00326	Nguyễn Xuân	Trung	25/12/1990	Nam	8,0	8,0	8,5	8,3	0,0	3,3	HT
10	15-2-52480201-00327	Lê Ngọc	Trung	01/04/1968	Nam	8,0	10,0	9,0	9,5	8,8	8,9	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A*0.1 + B*0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T*0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
SE401 - LẬP TRÌNH MÃ NGUỒN MỞ PHP & MySQL

Lớp: 171101.ICTN25 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 12

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
							10%	15%				
							A	B1				
1	17-2-52480201-00084	Trần Văn	Hải	04/02/1992	Nam	9,0	8,8	8,3	8,6	0,0	3,5	Vắng
2	17-2-52480201-00085	Trần Thị	Hạnh	04/10/1991	Nữ	10,0	8,0	8,5	8,3	4,8	6,4	
3	17-2-52480201-00131	Tạ Liên	Hương	23/01/1981	Nữ	8,0	8,5	7,8	8,2	4,0	5,7	
4	17-2-52480201-00132	Trần Thị	Hường	26/11/1993	Nữ	4,0	6,0	10,0	8,0	0,0	2,8	Vắng
5	17-2-52480201-00133	Dương Văn	Lực	04/02/1985	Nam	8,0	9,0	9,0	9,0	6,8	7,6	
6	17-2-52480201-00086	Trương Hoàng	Ngữ	05/05/1984	Nam	4,0	9,2	8,3	8,8	6,5	6,9	
7	17-2-52480201-00106	Trần Thị	Nhung	02/12/1983	Nữ	10,0	8,5	9,5	9,0	7,3	8,1	
8	17-2-52480201-00087	Nguyễn Minh	Phương	03/10/1983	Nam	6,0	7,0	6,3	6,7	7,8	7,3	
9	17-2-52480201-00187	Hoàng Nam	Sen	05/03/1994	Nam	10,0	10,0	10,0	10,0	5,3	7,2	
10	17-2-52480201-00188	Đỗ Xuân	Thông	07/03/1976	Nam	8,0	10,0	10,0	10,0	6,3	7,6	
11	17-2-52480201-00189	Trần Ngọc	Tú	23/04/1986	Nam	9,0	9,5	10,0	9,8	0,0	3,8	HT
12	17-2-52480201-00135	Nguyễn Hoàng	Tùng	30/05/1992	Nam	8,0	10,0	10,0	10,0	6,5	7,7	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
SE401 - LẬP TRÌNH MÃ NGUỒN MỞ PHP & MySQL

Lớp: 171101.IKTN25 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 3

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 13/1/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
							10%	15%	15%	30%	60%	100%
							A	B1	B2	B	T	D
1	17-2-52480201-00089	Nguyễn Trọng	Chung	01/11/1981	Nam	10,0	7,0	6,5	6,8	4,5	5,7	
2	17-2-52480201-00190	Phạm Trí	Thành	11/12/1991	Nam	8,0	9,0	7,3	8,2	8,5	8,4	
3	17-2-52480201-00153	Đoàn Ngọc	Tú	27/05/1977	Nam	8,0	8,5	7,0	7,8	6,3	6,9	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
SE403 - PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG WEB VỚI JAVA

Lớp: 171101.ICTN25 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 12

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1, Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
							10%	15%		30%	60%	100%
							A	B1	B2	B	T	D
1	17-2-52480201-00084	Trần Văn	Hải	04/02/1992	Nam	8,0	8,5	7,0	7,8	0,0	3,1	Vắng
2	17-2-52480201-00085	Trần Thị	Hạnh	04/10/1991	Nữ	10,0	8,5	8,0	8,3	4,3	6,1	
3	17-2-52480201-00131	Tạ Liên	Hương	23/01/1981	Nữ	8,0	8,0	7,8	7,9	7,5	7,7	
4	17-2-52480201-00132	Trần Thị	Hường	26/11/1993	Nữ	6,0	7,0	10,0	8,5	0,0	3,2	Vắng
5	17-2-52480201-00133	Dương Văn	Lực	04/02/1985	Nam	8,0	8,5	8,5	8,5	3,5	5,5	
6	17-2-52480201-00086	Trương Hoàng	Ngữ	05/05/1984	Nam	6,0	9,0	7,5	8,3	4,8	6,0	
7	17-2-52480201-00106	Trần Thị	Nhung	02/12/1983	Nữ	10,0	9,5	8,3	8,9	7,0	7,9	
8	17-2-52480201-00087	Nguyễn Minh	Phương	03/10/1983	Nam	8,0	8,5	7,8	8,2	8,5	8,4	
9	17-2-52480201-00187	Hoàng Nam	Sơn	05/03/1994	Nam	10,0	9,5	10,0	9,8	4,0	6,3	
10	17-2-52480201-00188	Đỗ Xuân	Thông	07/03/1976	Nam	8,0	10,0	10,0	10,0	4,5	6,5	
11	17-2-52480201-00189	Trần Ngọc	Tú	23/04/1986	Nam	9,0	9,5	10,0	9,8	0,0	3,8	HT
12	17-2-52480201-00135	Nguyễn Hoàng	Tùng	30/05/1992	Nam	8,0	10,0	10,0	10,0	7,0	8,0	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
SE403 - PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG WEB VỚI JAVA

Lớp: 171101.SCTN25 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 6

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
							10%	15%				
							A	B1				
1	17-2-52480201-00191	Hoàng Đặng Tuấn	Anh	19/11/1993	Nam	10,0	8,5	9,0	8,8	9,0	9,0	
2	17-2-52480201-00154	Nguyễn Hải	Hà	01/11/1984	Nam	10,0	9,0	9,5	9,3	8,0	8,6	
3	17-2-52480201-00109	Nông Quốc	Huy	08/08/1985	Nam	7,5	8,0	9,5	8,8	8,8	8,7	
4	17-2-52480201-00155	Vũ Hồng	Thư	27/11/1976	Nữ	10,0	9,0	8,7	8,9	6,5	7,6	
5	17-2-52480201-00156	Nguyễn	Tuấn	04/09/1987	Nam	7,5	9,0	7,5	8,3	5,7	6,7	
6	17-2-52480201-00137	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	02/12/1978	Nữ	7,5	7,5	0,0	3,8	7,0	6,1	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
SE403 - PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG WEB VỚI JAVA

Lớp: 171101.SKTN25 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 3

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1, Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
							10%	15%				
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52480201-00139	Trần Việt	Hùng	28/12/1988	Nam	7,5	7,5	6,5	7,0	7,3	7,2	
2	17-2-52480201-00112	Trần Quang	Huy	22/09/1988	Nam	10,0	9,2	8,0	8,6	7,3	8,0	
3	17-2-52480201-00192	Trần Thị Thu	Thảo	13/06/1990	Nữ	7,5	8,0	7,0	7,5	7,0	7,2	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
SE403 - PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG WEB VỚI JAVA

Lớp: 171101.IKTN25 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 3

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1, Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
							10%	15%				
							A	B1				
1	17-2-52480201-00089	Nguyễn Trọng	Chung	01/11/1981	Nam	10,0	6,5	8,0	7,3	5,0	6,2	
2	17-2-52480201-00190	Phạm Trí	Thành	11/12/1991	Nam	8,0	8,5	8,5	8,5	7,8	8,0	
3	17-2-52480201-00153	Đoàn Ngọc	Tú	27/05/1977	Nam	8,0	10,0	9,0	9,5	6,0	7,3	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
SE405 - DỰ ÁN MÃ NGUỒN MỞ

Lớp: 171101.SCTN25 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 6

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
							10%	15%				
							A	B1				
1	17-2-52480201-00191	Hoàng Đặng Tuấn	Anh	19/11/1993	Nam	8,0	9,5	9,0	9,3	9,0	9,0	
2	17-2-52480201-00154	Nguyễn Hải	Hà	01/11/1984	Nam	8,0	10,0	9,5	9,8	9,8	9,6	
3	17-2-52480201-00109	Nông Quốc	Huy	08/08/1985	Nam	4,0	9,0	9,0	9,0	9,0	8,5	
4	17-2-52480201-00155	Vũ Hồng	Thư	27/11/1976	Nữ	10,0	9,5	9,5	9,5	8,3	8,8	
5	17-2-52480201-00156	Nguyễn	Tuấn	04/09/1987	Nam	6,0	8,0	8,5	8,3	6,5	7,0	
6	17-2-52480201-00137	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	02/12/1978	Nữ	8,0	9,0	0,0	4,5	7,3	6,5	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
SE405 - DỰ ÁN MÃ NGUỒN MỞ

Lớp: 171101.SKTN25 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 3

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1, Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
							10%	15%	15%	30%	60%	100%
							A	B1	B2	B	T	D
1	17-2-52480201-00139	Trần Việt	Hùng	28/12/1988	Nam	6,0	8,5	8,5	8,5	9,0	8,6	
2	17-2-52480201-00112	Trần Quang	Huy	22/09/1988	Nam	8,0	9,5	9,0	9,3	8,8	8,9	
3	17-2-52480201-00192	Trần Thị Thu	Thảo	13/06/1990	Nữ	6,0	8,5	8,5	8,5	9,0	8,6	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
SE405 - DỰ ÁN MÃ NGUỒN MỞ

Lớp: 171101.HTN21 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 1

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2017

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
						10%	15%	15%	30%	60%	100%	
						A	B1	B2	B	T	D	
1	17-2-52480201-00063	Mai Văn	Hà	14/09/1991	Nam	10,0	8,5	9,0	8,8	8,5	8,7	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm



Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
SE405 - DỰ ÁN MÃ NGUỒN MỞ

Lớp: 161101.QTN15 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 10

Ngành: Công nghệ thông tin

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2016

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
							10%	15%				
						A	B1	B2	B	T	D	
1	16-2-52480201-00010	Nguyễn Tuấn	Anh	16/05/1986	Nam	8,0	10,0	10,0	10,0	7,5	8,3	
2	16-2-52480201-00013	Vi Văn	Dương	28/02/1986	Nam	6,0	9,0	9,0	9,0	8,8	8,6	
3	15-2-52480201-00293	Lê Mạnh	Hà	06/05/1989	Nam	8,0	8,5	7,5	8,0	7,3	7,6	
4	16-2-52480201-00014	Nguyễn Thị	Hạnh	17/02/1993	Nữ	8,0	9,5	8,5	9,0	8,0	8,3	
5	16-2-52480201-00001	Hồ Hữu	Hoàng	18/04/1989	Nam	8,0	8,5	10,0	9,3	7,8	8,3	
6	15-2-52480201-00297	Trần Đình	Quang	31/08/1985	Nam	8,0	10,0	10,0	10,0	6,8	7,9	
7	16-2-52480201-00003	Mai Xuân	Thanh	16/07/1989	Nam	8,0	10,0	10,0	10,0	9,0	9,2	
8	15-2-52480201-00325	Nguyễn Thị	Thảo	02/08/1991	Nữ	8,0	7,8	9,0	8,4	6,3	7,1	
9	15-2-52480201-00326	Nguyễn Xuân	Trung	25/12/1990	Nam	8,0	8,5	7,8	8,2	7,8	7,9	
10	15-2-52480201-00327	Lê Ngọc	Trung	01/04/1968	Nam	8,0	9,5	10,0	9,8	7,3	8,1	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) $+ T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
STA301 - KINH TẾ LƯỢNG

Lớp: 184201.DCTN31 Hệ: Từ xa
Tổng số học viên: 4
Ngành: Quản Trị Kinh Doanh
Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1, Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018
Ngày thi: 13/01/2019
Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
							10%	15%				
							A	B1				
1	18-2-52340101-00108	Phạm Thị Thanh	Phương	02/09/1989	Nữ	8,0	8,0	8,0	8,0	4,8	6,1	
2	18-2-52340101-00248	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/10/1994	Nữ	4,0	7,7	4,5	6,1	4,0	4,6	
3	18-2-52340101-00106	Nguyễn Tiến	Đạt	28/02/1991	Nam	8,0	8,5	6,5	7,5	7,3	7,4	
4	18-2-52340101-00196	Nguyễn Trọng	Đạt	02/01/1991	Nam	6,0	9,0	8,2	8,6	5,0	6,2	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:
 $D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019
Trung tâm Đào tạo từ xa

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
TGL101 - LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Lớp: 184701.UKTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 4

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
							10%	15%				
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52380107-00075	Hoàng Thị Thùy	Dương	28/09/1982	Nữ	6,0	6,0	6,8	6,4	5,8	6,0	
2	18-2-52380107-00063	Nguyễn Sỹ	Hường	06/10/1988	Nam	10,0	9,0	8,5	8,8	8,3	8,6	
3	18-2-52380107-00032	Trần Xuân	Thùy	09/11/1995	Nam	10,0	0,0	8,5	4,3	7,8	7,0	
4	18-2-52380107-00050	Lê Văn	Vũ	24/02/1986	Nam	2,0	6,0	0,0	3,0	0,0	1,1	Vắng

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN
TGL101 - LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Lớp: 184701.YTN31 Hệ: Từ xa

Tổng số học viên: 11

Ngành: Luật kinh tế

Trạm đào tạo từ xa: Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1. Số 54 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Năm nhập học: 2018

Ngày thi: 13/01/2019

Lần thi thứ: 01

TT	Mã số học viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm chuyên cần	Điểm kiểm tra giữa kỳ		Điểm giữa kỳ	Điểm thi	Điểm tổng kết	Ghi chú
							BTVN1	BTVN2				
							10%	15%				
						A	B1	B2	B	T	D	
1	18-2-52380107-00059	Phạm Quyền	Anh	01/09/1994	Nam	10,0	9,0	8,7	8,9	9,0	9,1	
2	18-2-52380107-00058	Lê Minh	Anh	24/03/1997	Nữ	10,0	8,5	10,0	9,3	0,0	3,8	Vắng
3	18-2-52380107-00060	Đào Ngọc	Giang	30/12/1997	Nam	10,0	8,5	8,5	8,5	9,5	9,3	
4	18-2-52380107-00027	Lưu Hoàng	Hà	25/04/1996	Nam	0,0	5,8	5,3	5,6	0,0	1,7	Cấm thi
5	18-2-52380107-00043	Hoàng Seo	Hồ	22/12/1996	Nam	10,0	8,2	9,0	8,6	6,8	7,7	
6	18-2-52380107-00045	Lương Văn	Hoàn	06/06/1994	Nam	8,0	6,7	8,2	7,5	6,5	7,0	
7	18-2-52380107-00046	Nguyễn Ngọc	Hung	19/03/1983	Nam	10,0	9,0	9,5	9,3	9,0	9,2	
8	18-2-52380107-00070	Chu Thị Lan	Hương	13/02/1997	Nữ	10,0	8,0	5,0	6,5	9,0	8,4	
9	18-2-52380107-00030	Nguyễn Quang	Huy	27/09/1997	Nam	10,0	4,3	6,0	5,2	7,8	7,2	
10	18-2-52380107-00047	Phạm Văn	Trung	07/04/1993	Nam	8,0	8,3	8,3	8,3	8,5	8,4	
11	18-2-52380107-00042	Hoàng Tiến	Đạt	04/02/1994	Nam	8,0	7,5	6,0	6,8	6,3	6,6	

Công thức tính điểm: Tùy theo từng môn học:

$D = A \cdot 0.1 + B \cdot 0.3$ (Hoặc 0.2 tùy từng môn) + $T \cdot 0.6$ (Hoặc 0.7 tùy từng môn)

Cán bộ vào điểm

Nguyễn Thị Đan Phượng

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Trung tâm Đào tạo từ xa



TS. Trương Hữu Dũng